

# DU-GIÀ LUẬN KÝ

## QUYỂN 5 (Phần Đầu)

### BẢN LUẬN QUYỂN 13

Trên đến đây, đã giải thích về sự gồm thâu Tông yếu của kinh xong.

Từ đây trở xuống, sẽ giải thích về ý nghĩa phức tạp của kinh, văn chia làm hai:

Mười một phần đầu, lại nữa, là dẫn riêng kinh để giải thích: Sau, lấy bốn pháp gồm thâu, gìn giữ Thánh giáo.

Kinh đầu, nói về sự xa lìa thân, tâm, dẫn tới sự hiểu biết như thật.

Kinh thứ hai, khéo tu chỉ, quán, biết rõ Sở tri.

Kinh thứ ba, là Đẳng Trì, Đẳng Chí v.v... trong thiện xảo.

Văn chia làm ba:

1/ Dẫn kinh nêu lên

2/ Hai lần “lại nữa” để giải thích về bốn câu trong kinh.

3/ “Thế nào là trụ” trở xuống, là giải thích riêng mười bốn câu trong kinh. Đẳng Ái trở xuống là phiên dịch ngược lại bất Đẳng Ái thành, một câu, cho nên thành mười bốn câu.

“Câu điều thiện v.v...” trở xuống, có câu chấp Hành; câu chấp Pháp tánh, giải thích câu trong điều thiện. Hai câu này là nêu văn, chẳng phải giải thích câu kinh.

“Lại nữa” lần đầu trong bốn câu là dùng tướng định để đối thành bốn câu. Đẳng Trí kia được gọi là mười một thứ.

Trước là nêu Tam-ma-địa thứ nhất, thứ ba, đối với trong bốn pháp Đẳng Chí, để làm bốn câu.

Kế là “Như thế...” trở xuống, là so sánh với mười công đức khác trong Đẳng trì. Lại, hai Đẳng Chí còn lại trong sáu Đẳng Chí, mỗi Đẳng Chí đều đối nhau, cũng tạo thành bốn câu, nghĩa là “không”, “Vô tướng” v.v... trong các tam-ma-địa, vì rất thù thắng, vì duyên cảnh

khấp, nên được tên gọi riêng. Thắng Xứ, Biến-Xứ trong các Đẳng Chí năng trở thành biến hóa. Định Diệt tận Vô Tướng, vô tâm, vắng lặng, nên nêu riêng.

Đầu tiên, nêu Diệt tận, nêu Vô Tướng trong hai câu riêng, Sau là nêu Biến-Xứ để so sánh với Thắng Xứ. Vì ảnh được rõ ràng, nên về nghĩa đó có thể biết. Trong bốn câu thứ hai chỉ có hai câu đầu.

Đẳng-trì khéo léo, chẳng phải Đẳng Chí khéo léo, nghĩa là đối với danh, cú, văn thân của Đẳng-trì, giỏi biết sai khác, chẳng phải đối với khả năng nhập Đẳng Chí.

Tướng trạng sai khác của các hành: Đây là nói ba tuệ khéo léo là tánh. Y cứ Đẳng-trì kia năng giải thích khéo léo, trong danh, cú sai khác. Đẳng Chí thì y cứ ở nhập, xuất có khéo, không khéo, đối với phân biệt có thể biết.

Bốn câu trước, y cứ vào tác dụng nhập, xuất, khéo, không khéo của Đẳng-trì, Đẳng Chí của tự Thể riêng, khác nhau để nói.

Hai thứ bốn câu này y cứ vào nghĩa thể của Đẳng-trì, Đẳng Chí khác nhau kia để tạo thành.

Ngài Tam Tạng nói: “Phương Tây (Thiên-trúc) có nghĩa này. Tam-muội v.v... gọi là Đẳng-trì. Thể tánh của Tam muội gọi là Đẳng Chí, nên lập hai câu. Cho đến chưa được nghe... chư Phật nói v.v... nghĩa là đối với Đẳng Trì không khéo léo có ba nghĩa:

1/ Chưa được nghe từ Phật.

2/ Chưa được nghe từ Bồ-tát bậc nhất.

3/ Chưa tự chứng đắc rốt ráo bậc nhất, cho nên, không thể khéo léo đối với giáo quyết định.

Một chữ “chưa” ở trên, xuyên suốt ba Xứ ở dưới.

Luận sư Cảnh nói: “Hoặc lấy Sơ địa gọi là Rốt ráo bậc nhất, hoặc Địa thứ mười gọi là rốt ráo bậc nhất.

Đối với Địa bất định thuộc về Thể, tướng phân biệt, nghĩa là cảnh phân tán. Đây là vì pháp loại không đồng của Địa định, nên tư duy tản mát, gọi là Xuất định.

Đối tượng tác động của Định, nghĩa là uống, ăn, v.v... đây là việc nên làm khi xuất định, vì đến thời gian này nên xuất định.

Tướng sở duyên. Nghĩa là thể phân biệt. Do “duyên” với thể này, nên năng nhập các Định, nghĩa là vì các pháp hữu lậu, gọi là phân biệt, nên đối tượng duyên của Định, gọi là thể phân biệt, vì tướng phân li kiến phần, không có tánh riêng. Hoặc đối tượng duyên (sở duyên) lấy thể tướng do phân biệt hiện ra trong năm pháp, làm tướng sở duyên. Do

định đã được vượt qua Địa này trở lên, vì không thể biết, cho nên đồng. Đây là nói ba độ của Địa dưới không biết Địa trên.

Trong Quyết Trạch nói: “Dựa vào bốn Định, biết chung tâm con người của cõi Vô Sắc, vì y cứ ở Đại Bồ-tát mà nói, nên không trái nhau.

Dẫn phát, nghĩa là tóm tắt gồm thâm nghĩa câu văn rộng, nghĩa là với sức nghe, giữ này gồm thâm nghĩa văn rộng.

Thế nào là Đẳng Ái? Nghĩa là Tàm, quý ái kính đẳng. Ở đây nói là Định khởi trước mười hai thứ pháp: một là Tàm, hai là quý, cho đến mười hai lạc, lấy mười hai pháp này làm tâm phương tiện, tức là được định.

Ở đây, ngài Tam Tạng nói: “Đẳng là Đẳng Chí; Ái là tâm phương tiện của Định. Đẳng Chí Ái vì công đức vượt vượt hơn, nên gọi là Đẳng Ái.”

Luận sư Cảnh nói: Tàm, quý, v.v... đều là thuận theo chánh pháp. Đẳng ái là chánh nghĩa lý, chánh ái. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vì đối với mười hai bình Đẳng Ái này, nên gọi là Đẳng Ái.”

Phương tiện có hai:

1/ Hai Đạo thêm, bớt của các đường.

2/ Chỉ nêu xả, như đã nói trong ba mươi hai tướng ở trước.

Phần thứ tư, trong kinh Phân Biệt Tĩnh Lự, văn có bốn:

1/ Dẫn kinh nêu.

2/ Lược giải thích về bốn chuyển.

3/ Giải thích rộng về tướng.

4/ Kết thành.

Bốn chuyển trong đây, phải biết hai thời gian điên đảo v.v...

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Bốn chuyển:

1/ Tam-ma-địa hữu lậu, điên đảo khi hướng tới.

2/ Lúc Định hữu lậu nhắm thối lui là điên đảo.

3/ Chính Lúc Định hữu lậu lui mất, không có điên đảo.

4/ Khi Định vô lậu tiến tới thì không có điên đảo. Hoặc Sơ, nhị đối với tiến cho là thối, gọi là điên đảo. Đầu tiên khi tiến đến định hữu lậu, cho là thối lui. Về sau, lúc tiến đến định vô lậu, cho là thối lui, nên đều gọi là đảo.

Luận nói: “Thứ hai, điên đảo khi thối lui Tam-ma-địa, nghĩa là lúc tu tiến vô lậu, nhắm thối lui hữu lậu, nói là điên đảo. Khi thối lui hai thứ sau, cho là thối lui, gọi là điên đảo.

Đầu tiên, khi đối với định hữu lậu, thật sự thối lui, cho là thối lui.

Sau định vô lậu lúc thối lui hữu lậu, cho là thối lui định hữu lậu.

Lúc thối lui, nghĩa là trong thối lui, vẫn có ba lần “lại nữa”:

- 1/ Do ái vị, cho nên thối lui
- 2/ Do mạn, chê bai, nên thối lui
- 3/ Do tham, lừa dối, nên thối lui.

Không có điên đảo thứ hai trái với không điên đảo ở đầu, nên biết.

Tướng không điên đảo kia. Nghĩa là được định vô lậu, khi sắp mất định hữu lậu, biết như thật thối lui, đây không có điên đảo.

Thứ ba, không có điên đảo, lúc thối lui Vô lậu, biết thối lui.

Thứ tư, không có điên đảo, khi tiến đến Vô lậu, biết thối lui hữu lậu.

Thứ tư ở đây với thứ hai ở trước có sự sai khác. Nghĩa là tu phương tiện Vô lậu ở trước cũng chưa chứng đắc, cho là thối lui, từng được định. Thứ tư ở đây chính là được Vô lậu, hữu lậu không hiện hành, cho là thối lui, nên trở thành khác, nhau.”

Luận sư Cảnh nói: “Không trái ngược thứ hai trái với không trái ngược ban đầu, sao nói là nên biết tướng không điên đảo đó?”. Vì trước thối lui định phương tiện, sau, thối lui định căn bản, cho nên mới trái với trước.

Hai thối lui sau này đều y cứ ở phạm phu chế phục “hoặc”, lại thối lui.

Do dựa vào như thế, cho đến an lập bốn chuyển, nghĩa là do dựa vào hai không có điên đảo hưng thịnh, suy đồi như thế, vì an lập bốn chuyển, cho nên kết.

Thứ năm, là phân biệt bốn kiểm tra hành.

Văn trong kinh có ba:

- 1/ Dẫn kinh nêu lên.
- 2/ Tóm tắt xem xét rõ ràng hành tướng.

3/ Chỉ bày rõ ràng, rộng về hành bị xem xét. Chủ thể xem xét tức ba tuệ. Đây, là một người tu đủ bốn thứ, bốn phần kém v.v... như thứ lớp phối hợp, thuận với bốn thối lui v.v... Giải thích, như văn.

Thứ sáu, là đối với sáu cảnh, không thọ tướng Vô Tướng. Các pháp này trong kinh, hoặc thật, hoặc có, đều không lãnh thọ, nghĩa là không thọ Tự tướng của cảnh.

“Còn không thọ tướng, nghĩa là còn không thọ tướng của sáu cảnh, hưởng chi Vô Tướng, cũng không thọ Vô Tướng kia.”

Dưới đây nói: “Không có giải thích về tướng của mắt, còn không

lãnh thọ ở tướng. Không thọ giải thích về tự tướng, đều không lãnh thọ, không thọ giải thích Vô Tướng, hướng chi là Vô Tướng.

Nói là do chán hư hoại, nên oai thế lẩn át, cho đến “nhưng có tướng kia, nghĩa là Định vô lậu thường chán hư hoại, tức là đối với nhân v.v... không có tướng sự, chỉ có tướng các lý của bốn đế khởi, không thọ Vô Tướng, nghĩa là Tướng và Vô Tướng, đều không thọ. Do không tư duy tất cả tướng, nên có hai tướng “hữu”, “không”, vì đều không thọ, nên tư duy vắng lặng trong lý Chân như của Diệt tận.

Ý trong đây nói lia các tướng tướng, gọi là Vô Tướng, nghĩa là lúc trí vô phân biệt chính chứng như, tướng khổ, vui ở trước cũng đều lia thì tướng và Vô Tướng, tất cả đều lia, cho nên, tướng của tướng lia gọi là Vô Tướng.

Lại nói: “an trụ định Diệt tận”, đây là y cứ các tướng của Diệt định sinh ra, là giải thích văn kinh ở trên còn không thọ tướng, hướng chi là Vô Tướng.”

Thứ bảy, là giải thích về kinh Tứ Thứ Đạo. Nghĩa là lúc phạm phu được Tịch Lự căn bản, thời gian sau, nghe pháp, dẫn đến Kiến đạo, cũng gọi là dựa vào tâm tăng thượng, tu tuệ tăng thượng Vô lậu kia. Người thứ hai nọ dựa vào định Vị Chí, được quả vị đầu tiên muốn dứt trừ ngay “tu hoặc” của chín Địa hưởng đến chứng La-hán. Từ quả chế phục “tu hoặc” cõi Dục, được định căn bản hữu lậu v.v... gọi là dẫn đến Tu Đạo. Do thối lui hữu lậu, gọi là Tu Đạo, nên cũng gọi là dựa vào tuệ tăng thượng tu tâm tăng thượng.

Hành giả thứ ba, gọi là đều được Xa-ma-tha, Tỳ-Bát-Xá-Na, vì cả hai chuyển xen lẫn. Nghĩa là người này thường trước chế phục “tu hoặc” cõi Dục mà hay khởi định căn bản ban đầu, về sau, dựa vào định Vị Chí nhập hiện quán Đế, được quả thứ ba, được nhập Tịch lự căn bản, gọi là tiến dẫn tuệ tâm tăng thượng, cũng dẫn đến Tu Đạo, cho nên, dưới đây kết rằng: “Người thứ hai, thứ ba dẫn đến Tu Đạo.”

Hành giả thứ tư, trước kia tĩnh lự hữu lậu, sau, nhờ nghe pháp nên được nhập Kiến đạo, chứng quả thứ ba, gọi là dẫn đến Tu đạo. Bên như thế, dứt “tu hoặc” còn lại, cũng Đạo chứng A-la-hán, dẫn đến đạo Vô học, nên dưới đây kết rằng: “Người thứ tư thu hưởng Đạo, vì được đều dẫn. Về đạo lý, người này cũng là người dựa vào tâm tăng thượng, dẫn đến tuệ tăng thượng. Nhưng không đồng với người ban đầu chỉ dẫn đến Kiến đạo, vì đều dẫn đến ba Đạo, nên phân biệt là thứ tư.

Thứ tám, là trong giải thích kinh Tứ Tịnh Thắng, có chia làm ba:

1/ Nêu kinh Tịnh Thắng.

2/ Giải thích nghĩa Tịnh Thắng.

3/ Giải thích tướng Tịnh Thắng, nghĩa là sở đắc, sở chứng, sở dẫn giới v.v... Sở đắc, nghĩa là như pháp viên mãn; sở chứng, là như pháp nhiếp thọ; sở dẫn giới, nghĩa là phát siêng năng, tinh tấn, chưa mãn làm cho mãn.

Bốn tịnh thắng:

1/ Thi-la;

2/ Tam-ma-địa;

3/ Kiến.

4/ Giải thoát.

Sở đắc, sở chứng, sở dẫn giới nói trong đây, đều có cả bốn tịnh thắng.

Nhiếp thọ viên mãn, là nhắc lại giải thích về phát siêng năng, tinh tấn, chưa mãn, khiến cho mãn là đã dẫn đến giới, định, kiến, vì thể giải thoát, nên không nhắc lại giải thích.

Lại, sở đắc là giới; sở chứng là kiến; sở dẫn, là giải thoát. Giới đẳng, nghĩa là Đẳng định, kiến, giải thoát.

Lại, sở đắc là giới; sở chứng là định; sở dẫn là tuệ và giải thoát, lược qua không có giải thoát, tri kiến cũng có thể tuệ và tri kiến đều gọi là chánh kiến, gồm sáu năm uẩn. Văn dưới đây thế nào?

Một đầu là giới. Đẳng-trì, Kiến, giải thoát kia, đều có hai là thế nào? Tùy phối hợp giải thích, dù trụ sáu chi bốn câu như giới v.v... như Địa Thanh Văn nói rộng. Hai thứ giới, định, đối với giai đoạn phạm phu gọi là viên mãn đắc, nhiếp thọ địa vị Thánh kia, trong định có hai:

1/ Lúc lìa dục: Sáu tác ý trước chưa được phần căn bản, chưa gọi là viên mãn. Nếu khi được quả gia hạnh rốt ráo, được định căn bản mới gọi là viên mãn.

2/ Được ba định Địa dưới chưa gọi là viên mãn. Nếu được định thứ tư, mới gọi là viên mãn, giải thoát ở địa vị Hữu học, chưa viên mãn, địa vị Vô học gọi là viên mãn. Bất thời giải thoát, gọi là nhiếp thọ giải thoát. Chương định và chương sự đã được Trạch diệt, gọi là giải thoát.

Thứ chín, là giải thích về hạnh thanh tịnh của tâm, các điều ác, bất thiện, dục v.v... Tâm tư v.v... trong kinh Bí-sô tư duy năm tướng. Nghĩa là các dục v.v... ác bất thiện; v.v... tâm, từ v.v... Nghĩa là các tâm dục, nhuế, hại bất thiện, tâm bà con, cõi nước đã từng trải qua lạc v.v... bảy thứ Tâm, Từ đều che lấp thể.

Đại khái có ba thứ Bồ-đặc-già-la. Nghĩa là tiêu biểu chung về ba phẩm Tâm, Từ khác nhau, thành năm, dưới đây là giải thích riêng.

Thứ nhất, là hành Tâm, Tư. Nghĩa là vì tư duy tướng Đế của nhân, quả v.v... khiến cho bảy thứ Tâm diệt. Dựa vào Tâm, Tư của phẩm trung, chia thành hai thứ:

1/ Thấy tai hại lỗi lầm của Tâm, Tư.

2/ Không niệm tư duy để cho bảy Tâm diệt. Dựa vào Tâm, Tư của phẩm thượng, cũng chia làm hai:

1/ Chẳng phải đầu tiên, tức khiến cho tất cả bất, phải dùng phương tiện để chế phục dần.

2/ Nếu cũng chưa thể chế phục, thì sinh ra chán nản, sợ hãi. Vì phần nhiều tư duy, nên làm cho bảy Tâm diệt.

Thứ mười, là trong giải thích kinh Đãng Trần, văn có ba:

1/ Dẫn kinh để hỏi.

2/ Giải thích về thí dụ ba đào luyện.

3/ Nêu pháp để hợp.

“Như trong tánh vàng ròng đã có bản chất vàng trở xuống, là phát tâm xuất gia, gọi là đào luyện ban đầu. Ở giai đoạn đạo tư lương, được Tĩnh lự v.v... là sự đào luyện tiếp theo, nhập địa vị Thánh vì là đào luyện sau, nên luận nói: “Không bị hữu, hành cầm giữ. Dựa vào tuệ căn chế phục phiền não, giúp cho căn tánh được lộ rõ. Căn trừ diệt phiền não, đặt tên là đào luyện.

Thứ mười một, là giải thích về ba tướng trong kinh Tam Tướng Tư Duy:

1/ Chỉ, 2/ Nêu, 3/ Xả.

Hoàn toàn tu chỉ, nêu ra ở định gia hạnh. Đối với duyên-khởi v.v... không có chánh tư duy, lựa chọn. Vì không tư duy, lựa chọn, nên tâm không chánh định, không chủ động hiện quán, không dứt hết các lậu, thành A-la-hán, thường tư duy xả, tức là tư duy duyên khởi, cho đến dứt hạnh lậu, vì đạo thành tựu viên mãn.

Mười một đoạn trên đây, đã dẫn riêng kinh, để giải thích. Một lần “lại nữa” sau, dùng bốn chánh pháp gồm thâu giữ gìn Thánh giáo có ba:

1/ Nêu. 2/ Phân biệt. 3/ giải thích.

Xa lìa. Nghĩa là chỗ nhập định.

Sở tu tập (đối tượng tu tập). Nghĩa là định tuệ đã tu.

Quả tu. Nghĩa là giải thoát đã được; hai chương đã lìa, quả Hữu, Vô vi.

“Thế nào là đã tập Xa-ma-tha...” trở xuống, là giải thích phần thứ ba này.

Tất cả chấp có. Tức là chấp pháp. Chấp tất cả “có”, tiêu diệt pháp chấp này, gọi là Diệt giới. Ba giới nói trong đây khác với giới mà hai Quyết Trạch dưới đã nói. Quyết Trạch ấy cũng nói là dứt hết “kiến hoặc”, gọi là Đoạn giới; dứt hết “tu hoặc”, gọi là lia cõi Dục; dứt trừ hết tất cả pháp hữu lậu, gọi là Diệt giới.

Trong luận Tiểu Thừa nói tám kiết đoạn, gọi là Đoạn giới. Thọ kiết đoạn, gọi là lia dục giới. Sự hữu lậu khác diệt, gọi là Diệt giới.

Không có trái tránh: Nghĩa là đại ý muốn nói Đức Phật và đệ tử, do Kiến đồng, nên nghĩa đã nói đồng. Câu văn không khác, thuận theo cộng tưởng, không có sai trái, tranh cãi.

Pháp Phật tồn tại lâu dài, làm lợi ích rộng lớn, gọi là bình đẳng thắm nhuần. Chẳng phải như ngoại đạo khởi kiến, lập nghĩa không đồng, câu văn sai khác, hoặc nghĩa, hoặc câu; hoặc văn, không nói danh. Vì được nêu trước, sau để xuyên suốt ở giữa.

Câu thứ nhất. Cái gọi là câu trước cho đến tức là dùng câu này mà hỏi.

Thứ hai v.v... : Đây là nói lược về câu thắm nhuần bình đẳng.

Pháp sư Cảnh, Pháp sư Thái, Pháp sư Bị, Pháp sư Khuy Cơ giải thích đại khái. Như tôn giả A-nan, đối với năm trăm Bí-sô, dùng câu đầu này để hỏi một vị Tỳ kheo. Lại dùng câu đầu để hỏi vị Tỳ kheo thứ hai cho đến năm trăm vị. Các Tỳ kheo ấy đều đáp: “Đúng vậy, đúng vậy, nên mới gọi là câu nghĩa thầy, trò không có sai trái, thắm nhuần bình đẳng, tùy theo lẫn nhau.

Vấn dưới, trái lại, thiết lập rõ ràng đối với một người đầu tiên dựa vào uẩn mà hỏi v.v... nghĩa là đặt ra đối với một người đầu tiên dựa vào uẩn Vô thường mà hỏi người thứ hai.

Đã theo thứ lớp hỏi về giới Vô thường, tức là không được gọi là câu thứ nhất thắm nhuần bình đẳng.

Nay, y theo Quảng luận dẫn kệ kinh: “Chúc mừng đến thăm hỏi, gọi là Thượng tọa được nghĩa giải thoát, gọi là Thượng tọa đáp: “Tu hai pháp thì được giải thoát quả ba cõi vui mừng, kể là hỏi tên năm trăm đệ tử của Thượng tọa, đáp riêng, không trái với Thượng tọa. Đến hỏi đức Như lai. Đức Như lai đáp: “Như gọi là Thượng tọa vì giải đoạn các hành, nên gọi là Đoạn giới; vì lia các hành, nên gọi là ly giới; vì diệt các hành, nên gọi là Diệt giới.

Đây gọi là Thượng tọa và đệ tử kia thấy đồng với đức Như lai, hỏi chúc mừng.

Thắm nhuần bình đẳng nghĩa giáo, tùy theo không có mảy may



sai trái, nên gọi là Vô tránh.

Trong bốn cảnh vị , từ đây trở xuống, là phần thứ hai, giải thích chẳng phải vì Đẳng dẫn Thích Luận chép: “Trái với trước, dễ hiểu rõ.”

Về Thể tức là cõi Dục, hoàn toàn là tất cả pháp tán trong hai cõi trên, nhưng quán trong mười hai bất định của ý văn luận này, thứ bảy là năm tác ý trước của cõi trên. Thứ chín, thứ mười là bảy tác ý của cõi trên, thứ tám là pháp nhiệm cõi trên đồng nhau. Địa này chẳng những trái với địa trên mà còn chung cho tất cả pháp tán loạn của hai cõi trên.

Văn được chia làm hai:

1/ Nêu lên câu hỏi.

2/ Tùy giải thích riêng.

Mười hai thứ quyết trạch này, quyển sáu mươi ba nói rộng sự khác nhau, kiến lập nguyên do, nghĩa là dựa vào Địa bất định đầu tiên, đối với tâm an trụ, nêu chính thức nhận lấy tướng: tướng xanh, bầm v.v... Đây là nói vì tánh năm thức bất định, nên rong ruổi theo cảnh, tham v.v... sinh khởi. Bị ngừng dứt cho nên quán màu xanh, bầm v.v... mà an trụ tâm, tức là do nghĩa này, phương Tây nêu ra hai thuyết:

1/ “Năm thức chỉ là tánh hữu lậu, vì bất định. Trong Thập bát bát cộng pháp của Như lai thì không có tâm bất định.” Luận cũng nói: “Nói mười lăm giới, chỉ có hữu lậu, nên biết Đức Như lai không có năm thức. Trí thành sở tác kia; hoặc thức thứ sáu, hoặc thức thứ bảy.”

2/ “Năm thức cũng có cả Vô lậu, vì năm thức của Như lai thường ở trong định, nên nói Đức Như lai không có tâm bất định.”

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Nhãn căn nhập chánh thọ. Nhĩ căn tam muội khởi v.v...”

Thường dựa vào Nhị thừa, phạm phu để nói tự tánh bất định, hữu lậu của mười lăm giới, chẳng phải dựa vào địa vị nào khác. Trong đó có thuyết nói: “trí thành sở tác , thân Bồ-tát tu đạo, thì hiện ở trước.”

Có thuyết nói: “Phật địa mới được sơ khởi. Như Duy Thức quyển mười, Phật Địa quyển tư v.v... giải thích. Hoặc có khi thiếu khinh an, nên chẳng phải định Địa, nghĩa là cõi Dục trói buộc các tâm, tâm pháp v.v... quyển sáu mươi ba chép: “Vì y chỉ cõi này mà được tác ý, nên siêng năng tu tập. Ở đây ý nói, vì được tác ý của cõi trên, nên siêng năng tu tập tâm thiện cõi Dục. Hoặc chán thiếu khinh an, địa tán của cõi Dục. Vì được tác ý của địa khinh an cõi trên, cho nên siêng năng tu tập.”

Duy Thức có hai thuyết: Có nghĩa: Cõi Dục không có khinh an, lấy văn này làm thể. Nói thiện mười một, chung cho tất cả Địa, nghĩa là có cả ba Địa có Tâm, Từ, vì đều có.”

Có nghĩa cho là: “Cõi Dục cũng có khinh an, gia hạnh định kia cũng được Địa định, vì định đó cũng có nghĩa đều xướng (khinh an). Trừ định gia hạnh, tâm cõi Dục khác đều thiếu khinh an, gọi là Địa bất định, chứ chẳng phải tất cả đều không có.

Nói mười một nói thiện chung cho tất cả Địa, tức là chín Địa. Mười Địa bất định khác, như quyển sáu mươi ba giải thích.

Một cặp hai thứ định, tán trước, trên đã nói xong, từ đây trở xuống, giải thích về hai tâm có, không là một cặp vô vi. Văn được chia làm hai:

1/ Hỏi, nêu năm môn.

2/ Giải thích riêng.

Trong Địa thi thiết kiến lập chỉ dựa theo năm Địa đầu nhằm phân biệt về Địa kiến lập, chứ chẳng phải dựa vào Địa khác.

Ngài Tam Tạng giải thích: “nói theo sự thật, thì ý của năm thức trong mười bảy Địa có Tâm, Từ và Địa có tâm. Như bảy Địa này thuộc Địa hữu tâm, vô dư không có tâm. Hai địa này chỉ là Địa vô tâm; Địa định, phi định; Địa không có Tâm, Từ, Địa do tu thành.

Ba Địa Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Địa hữu Dư y, như tám Địa này có cả hai Địa Hữu tâm, Vô tâm. Dù có nghĩa này, nhưng vì Luận chủ y cứ ở giản lược, nên đối với năm Địa để phân tích tâm có, không.”

Luận sư Cảnh lại giải thích: “Năm Địa này ở trước đã giải thích xong. Vì thế, nên y theo năm Địa này nhằm phân biệt hữu tâm, vô tâm. Ngoài ra, vì chưa nói, nên không đối với phân biệt. Dù lại Tam-ma-hý-đa, chẳng phải Tam-ma-hý-đa, nhưng ở trước đã giải thích xong; mà vì hai Địa Tâm, Từ này đã có Tâm, Từ đều thuộc về ba Địa, nên không nói riêng.”

Pháp sư Khuy Cơ cho rằng: “Chỉ dựa vào ý địa năm thức, của Thế Địa mà có danh, có tâm, không có danh, cũng chưa rõ ràng, chưa nhận biết Nghĩa Xứ nào của chín Địa được thành để nói thể tánh của Địa.

Trong ba tướng của Địa có Tâm v.v... để nói về Hữu tâm và Vô tâm, tức biết hai địa vị sai khác của chín Địa, cũng biết Địa Định, chẳng phải Định, sao là Hữu tâm, sao là Vô tâm? Cho nên, càng không cần dựa vào địa Định, phi định để nói về Hữu tâm, Vô tâm.

Ba tuệ, ba thừa, các hành hữu tâm, vô tâm của sáu địa đều không ngoài Hữu, Vô dư y của môn trước. Phân tích Hữu tâm, Vô tâm trong

môn thứ tư, thứ năm này, chẳng phải là địa vị có tâm, vì Hữu tâm, Vô tâm riêng, nên Hữu tâm, Vô Tâm chỉ dựa vào năm Địa.

Trong Địa có Tầm, có Từ, không có tâm thù miên, không có tâm ngất xỉu, không gọi là Địa Vô tâm, do ngủ nghỉ ngất xỉu là vô tâm bất định, tr địa vô tầm, vô tứ, thì định vô tướng, v.v... là định không có tâm. Lại nữa, ngủ nghỉ, ngất xỉu đều dựa vào chủ thức, nói là Địa hữu tâm. Định Vô Tướng v.v... dựa vào Khách thức, gọi là Địa vô tâm, vì ảnh lược mà nói. Lại, dựa vào môn lý tùy chuyển để nói về Vô tâm.

Tát Bà-đa nói buồn ngủ nghỉ, ngất xỉu là có tâm. Nhưng Quyết Trạch phần lại dựa vào năm nghĩa để phân tích Địa hữu tâm, do bảy thứ nhân để phân biệt về Địa vô tâm, chỉ dựa vào Thể của Địa để phân tích có tâm.”

Dựa vào thứ ba này, Sinh và bất sinh, nhằm kiến lập Vô tâm. Thuyết kia nói bảy nhân, ở đây nói tám nhân, nghĩa là ở đây chia ra căn, cảnh, kia hợp gọi là “duyên” thiếu. Tám nhân này “duyên” chẳng phải một pháp mà đủ. Thông thường nói các pháp sinh, bất sinh, cũng thiếu tác ý. Nếu các tâm, tâm pháp đồng thời không có tác ý thì sẽ không được sinh, cũng có thể nếu không có tác ý của niệm trước thì tâm sau sẽ bất sinh.”

Luận sư Cảnh bình luận: “Cách giải thích sau là đúng. Vì, nếu lấy tác ý đồng thời thì các tâm pháp không có lúc nào bất sinh, bởi trong nhóm tâm thường có tác ý. Trong đây đã nói tám nhân, nên tâm kia đôi khi sinh, hoặc là bất sinh. Sắp nhận biết, tất nhiên, Tác ý dẫn đường trước, sau đó, tâm mới sinh. Nếu không có Tác ý muốn nhận lấy sắc v.v... dĩ nhiên, tâm sau sẽ bất sinh. Tự có không có tác ý trước, đối cảnh thì sinh. Như người tác ý thì định, bỗng nhiên nghe được tiếng v.v... Do từ nhiều phần nói là Tác ý sinh, như sáu mươi ba giải thích.

Thùy miên vô tâm trong phần vị. Thượng tọa Bộ nói thùy miên có hai:

1/ Tâm Thùy miên, dẫn sanh pháp hữu tâm.

2/ Thùy miên sắc, thì lúc ngủ có sắc nuôi lớn.

Đại thừa cho rằng: “Thùy miên có cả có tâm, không tâm.

Nghĩa thứ nhất, Niết-bàn Vô dư trong Kiến lập, Lại-da diệt hẳn. Nếu vậy, thì giới chúng sinh sẽ có thêm bớt chẳng?

Giải thích: “Kinh, luận chỗ nào cũng đều nói là giới chúng sinh không thêm, bớt, bởi vì chúng sinh đã có xưa từ vô thủy, chứ chẳng phải mới có, nên không có tăng mà có vô lượng. Nhị thừa định tánh, lúc vào Vô dư đã rơi vào số phi sinh; về lý, cũng có bớt, vì từ số nhiều, nên nói

là không có bất, như một giọt nước biển. Nhưng kinh Niết-bàn v.v... chép: Tiên ni hỏi: “Thân là trước phiền não, hay phiền não có trước thân? Nếu thân có trước, thì sao nói rằng, vì phiền não nên mới có thân? Nếu phiền não có trước, thì cái gì tạo ra, trụ ở chỗ nào?” Đức Phật đáp Tiên-ni: “Phiền não và thân dù rằng một lúc đều không có trước, sau, nhưng chủ yếu nhân phiền não mới có thân, cuối cùng không do thân mà có phiền não.”

Dù rằng ngoại đạo y cứ mới có để vấn nạn, Đức Phật lại y cứ ở Vô thí kia mà đáp. Cho nên, biết không có thêm.

Lại dựa vào kinh Vô thượng y chép: “Chúng sinh mới là Như lai tạng, vì chúng sinh cùng có là vô vi.”

Theo như nghĩa này nói thế giới chúng sinh không thêm, không bớt. Ý kinh ấy nói là dựa vào chân khởi vọng, lập ra thế giới chúng sinh, nên nói chân như gọi là chúng sinh giới. Người Nhị thừa dù vào Vô dư, các uẩn diệt tận, mà thế của giới này vẫn thường tồn tại không diệt.

Y cứ ở nghĩa như thế, để nói là chúng sinh không thêm, không bớt.

Như-Di-Sa-tắc-Bộ nói: “Chúng sinh ở trước, phiền não ở sau.”

- Nếu vậy, không có nhân, làm sao có chúng sinh?

Giải thích: “Như Khổ, Loại, Nhân, đầu tiên không có “nhân Tự phần”, làm sao được phát sinh? Các trí kia không có tự nhân mà được sinh khởi, chúng sinh này lẽ ra cũng như thế!”

Nay, văn này lựa chọn tánh quyết định diệt hẳn, cuối cùng không thành Phật. Trong khi đó, kinh Niết-bàn nói chẳng có ai không thành Phật. Vì, lập ra giới hạn của giáo đều có chỗ y cứ. Kinh Lăng-già nói: “Các kinh của Thanh văn đều nói, nhiều kiếp vào cõi Niết-bàn, đắm say rượu tam-muội, nằm say trong thời gian dài. Về sau, từ tam-muội đó phát khởi tâm Đại thừa.”

- Luận sư xưa lấy kinh này để chứng minh rằng, không có rốt ráo nhập Vô dư, mãi mãi diệt.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Theo Luận Nhiếp Đại thừa thì hóa thành Thanh văn chẳng phải thật như thế.

Chín Địa trên, chung cho Hạnh, vì cả ba Thừa đều có thể tu ba tuệ; ba Địa sau, phân biệt về Hạnh riêng, vì ứng cơ tùy theo pháp, thành tựu tự thừa.

Lại, ba Địa đầu là hạnh phương tiện; ba Địa sau, là hạnh căn bản. Ba địa trước là hạnh đã học; ba địa sau là hạnh đã thành.

Văn, là văn tuệ, vì nghe, “duyên” giáo, dùng nghe này làm nhân

mà thành tựu các pháp, gọi là “văn sở thành”, tức dùng tuệ kia và pháp tương ứng, đều là đối tượng duyên của nghe, hoặc văn, hoặc nghĩa, đều là quả đã được, là Thể của Địa này.

Nghe trong tác ý trước đây, chỉ “duyên” pháp, ít “duyên” nghĩa.

Văn của Địa này chia làm ba:

1/ là kết trước hỏi, sau nêu, khởi đầu mối của luận.

2/ Hỏi, nêu tên của năm minh Xứ.

3/ Tùy theo giải thích riêng.

Nghĩa là nếu nói sơ lược về năm minh Xứ, cho đến đọc bài tụng, nhớ nghĩ, đây là nói về giáo của năm Minh sinh ra Văn tuệ. Trong đây Ngài Tam Tạng nêu ra hai thuyết:

1/ “Sự lắng nghe này là sinh đắc tuệ. Về nghĩa, đồng thời với luận Tiểu thừa: thọ trì giáo pháp, vì sinh đắc tâm.

2/ Sau thức tương ứng với Văn tuệ làm thể. tuệ có ba phẩm: Phẩm Hạ, gọi là Sinh đắc; hai phẩm Trung, Thượng, đều gọi là Văn tuệ.”

Pháp sư Khuy Cơ lại đưa ra hai giải thích:

1/ Nghĩa là tuệ giác là sự lắng nghe trước, thời gian sau, ý Địa lãnh thọ, đọc bài tụng và nhớ nghĩ v.v... mới là Văn tuệ. tuệ giác đầu tiên của năm thức kia đều lắng nghe và đều ý thức lắng nghe, đọc bài tụng là sinh đắc tuệ, vì không hiểu rõ.

2/ tuệ giác là trước hết, là Sinh đắc tuệ, hoặc lắng nghe; hoặc lãnh thọ; hoặc đọc bài tụng; hoặc nhớ nghĩ, đều là Văn tuệ. Do từ phương tiện của ý Địa, vì Văn tuệ đã dẫn phát, nhờ nghe mà tâm trở thành hiểu rõ, cũng là Văn tuệ.

Dù ý Địa lãnh thọ đọc bài tụng v.v... không sáng suốt hiểu rõ, nhưng đều là Sinh đắc tuệ.

Lại, nương tựa vào sự hiểu rõ không trái ngược trong nghĩa của danh, cú, văn thân, nghĩa là đối với nghĩa của năm minh Xứ, tuệ giác là đầu, đã khởi Văn tuệ. Nếu theo Tát-Bà-Đa, thì Văn tuệ hoàn toàn dựa vào giáo. Tư tuệ hoặc lý giáo, như ba người tập bơi v.v...”

Luận Câu-xá bác bỏ: “Tư tuệ y giáo, chẳng khác với Văn tuệ. Nếu Tư tuệ là giáo, chẳng khác với Tu tuệ, thì sao lại chấp riêng?”

Luận ấy giải thích: “Dù Văn, Tư đều dựa vào giáo, nhưng vẫn không phân biệt, lựa chọn, còn tư hay phân biệt, chọn lựa, khác nhau, vì Tu tuệ là giáo.”

Nay, ba tuệ trong Đại thừa đều lấy giáo pháp. Nhưng văn, tư tuệ phân biệt lựa chọn khác với không phân biệt chọn lựa, do ở Định, trước là nghe, tư duy giáo pháp; tiếp theo, là tu tuệ nhập Định, “duyên” pháp

và nghĩa.

Thứ ba là giải thích riêng trong năm minh Xứ. Đầu tiên, là phân tích về Nội minh Xứ. Văn có hai:

1/ Nêu bốn môn.

2/ Tùy giải thích riêng.

Bốn môn là:

1/ Lập bày về sự, nghĩa là lập sự thuộc về ba tạng.

Sự, là nghĩa của sự, nghĩa là vì nghĩa kinh, luật khác nhau. Lại là các nghĩa đã giảng nói, vì sự được dựa vào thể, nên đặt tên sự.

2/ Lập ra tướng khác nhau. Nghĩa là chủ thể giảng nói về sinh. Do danh, cú, văn đều từ tướng sinh, nên danh, gọi là Tướng. Lại Tây vực, tức nhân sinh, nhiều nhân là tướng. Lại, Danh v.v... không có tự thể, theo tểng giả lập, tùy theo Tướng kia mà hiểu, gọi là chủ thể giảng nói (Năng thuyết), cho nên nói danh v.v... gọi là Tướng.

3/ Gồm thâm nghĩa tướng của Thánh giáo, tức là nghĩa được Thánh giáo giảng nói, năng gồm thâm Thánh giáo.

4/ Do tướng Xứ sở ứng của Phật giáo, nghĩa là từ hai số sự mà Phật giáo đã giải thích được tăng tích, cho đến mười số thứ lớp được Phật giáo giải thích, gọi là sở ứng tri Xứ tướng của Phật giáo (chỗ đối tượng nên biết của Phật giáo).

Thứ ba, dùng lý nhiếp thâm giáo.

Thứ tư, lấy giáo làm rõ lý.

Tổ-Đát-Lãm, Hán dịch là Khế Kinh, Tỳ-nại-da, Hán dịch là Điều-phục-Ma-đát-ly-ca, nói là Bản Mẫu, nhóm hợp nghĩa các kinh, luận bàn giảng nói, vì Xuất danh nghĩa mà các kinh giải thích riêng, nên gọi là Bản Mẫu, tức xưa dịch là Tu-Đa-la, Tỳ-ni-ma-Đắc-lặc-già.

Trong tướng sai khác có bốn Ốt-Đà-Nam (Tự thuyết):

Ốt-Đà-Nam đầu có mười hai môn; Ốt-Đà-Nam thứ hai có mười bốn môn; Ốt-Đà-Nam thứ ba có chín môn; và Ốt-Đà-Nam thứ tư có mười môn.

Câu, Nghĩa là sáu Xứ nội v.v... là giải thích tự tánh các pháp, gọi là Danh; pháp giải thích khác nhau, gọi là câu. Nay, pháp giải thích này khác nhau, nên gọi là câu. Lấy rộng gồm thâm hẹp, gọi là ở trong đó.

Câu có năm, nghĩa là Xứ, trung v.v... Nếu tám chữ sinh là câu Xứ trung. Đây là bốn câu, ba mươi hai chữ, gọi là Thất-lộ-ca. Văn Kinh, luận, phần nhiều dựa vào số này.

Văn xuôi, vô vấn và nói kệ, bài tụng, chỉ đầy đủ ba mươi hai chữ. Tên cũ là Thủ lô. Sáu chữ trở lên sinh, là câu đầu; hai mươi sáu chữ trở

xuống, sinh là câu sau. Nếu bớt sáu chữ, sinh là câu ngắn; quá hai mươi chữ là câu dài. Vô lượng cảnh giới ở nơi chốn mười phương, thời gian ba đời, đều nói là Vô lượng.

Trong bốn chúng, chỉ nói bốn chúng nam tử, không có Ổ-ba-tư-ca và, Ổ-ba-tư-ca thuộc về Ô Ba Sách-Ca, chỉ từ giới làm tánh trong chúng tại gia, nên đặc biệt ly xuất. Như Địa Thanh văn giải thích: “Năm sự của Đại thừa, bốn Tâm, Từ, Như thật trí, Ba tánh, ba vô tánh.”

Như Quyết Trạch phần giải thích: “Bốn chân thật, năm chủng Đại thừa, năm vô lượng bất tư nghị oai đức, Thắng giải v.v...”

Như Bồ-tát Địa giải thích: “Cảnh giới của sáu Xứ nội trở xuống. Pháp mười bốn môn, gọi là Pháp Địa Thanh văn, năm việc của Đại thừa trở xuống, có công đức của mười bốn môn, là pháp của Đại thừa.

Bổ-đặc-già-la Không, Bổ-đặc-già-la Vô ngã pháp, tánh Không.

Pháp Vô ngã có sai khác: “Không”, là tự tánh của sở không (đối tượng không). Vô ngã, nghĩa là không có tác dụng của “ngã” và Nghĩa sai khác.

Lại “không”, nghĩa là lý “hai không”, Vô ngã nghĩa là đối tượng chấp (sở chấp), hoặc trái với thuyết này, nên có hai sai khác.

Quán hạnh trong Xứ. Nghĩa là như kinh Bát-nhã và Luận Trung Biên v.v... nói: Chẳng phải hoàn toàn là không; chẳng phải một bề bất không, xa lìa thêm, bớt, vì khế hợp nhiệm mầu với Trung đạo.

Tự tánh Đại Bồ-đề của năm tướng. Nghĩa là Hiển Dương quyển tám nói: “Nghĩa là vượt qua Thể chuyển y sở đắc của Nhị thừa.”

Công năng. Là mười tự tại:

1/ Thọ mạng; 2/ Tâm; 3/ Chúng cụ; 4/ Nghiệp; 5/ sanh; 6/ Nguyện; 7/ Thắng giải; 8/ Thần lực; 9/ Trí; 10/ Pháp.

Phương tiện. Là bốn thứ biến hóa:

1/ Hiện Bồ-tát vận hành biến hóa, hóa căn chưa thành thực.

2/ Hiện Như lai biến hóa, hóa căn đã thành thực.

3/ Hiện nhiếp Thanh văn biến hóa

4/ Hiện điều phục Độc giác biến hóa.

Chuyển có hai:

1/ Tạm thời đối với các hữu tình chưa giải thoát thành Như lai vận chuyển giáo hóa không ngơi nghỉ.

2/ Rốt ráo khó tư duy công đức của Phật, vì các hữu tình, làm việc lợi ích, vận chuyển không ngơi nghỉ.

Hoàn. Nghĩa là luận gọi là Diệt, vì trở lại Niết-bàn, ở đây cũng có hai:

1/ Tạm thời đối với hữu tình đã giải thoát, Đức Phật tạm thị hiện nhập Niết-bàn.

2/ Rốt ráo, nghĩa là phiền não, tập khí và Khổ dứt hẳn.

Trong năm loại Đại thừa, Hiền Dượng quyển tám nói: “Hạt giống, nghĩa là tức phẩm Chủng Tánh của Địa Bồ-tát. Thu nhập, nghĩa là tức phẩm Phát Tâm. Thứ lớp, tức là phẩm Trụ. Chánh hạnh, là các phẩm khác. Quả chánh hạnh, là Đại Bồ-đề Kiến lập hai phẩm.

Đầu tiên phát tâm, nghĩa là tâm Bồ-đề. Do hạt giống hữu tình, xót thương hữu tình là thu nhập Bồ-đề. Ba-la-mật-đa là thứ lớp các Địa. Nhiếp sự chúng sinh là tâm hạnh Đại thừa. Minh và người nối nhau thành tựu là quả chánh hạnh, quả của hai lợi đầy đủ, là của đức Phật.

Lại, đầu tiên nghĩa là hạt giống. Phát tâm, nghĩa là thu nhập. Thương xót hữu tình, nghĩa là thứ lớp Ba-la-mật-đa. Nhiếp sự của chúng sinh, tức là chánh hạnh, Tự, tha nối nhau thành tựu, là quả của chánh hạnh. Đây là thuận với phẩm Bồ-tát Địa, phối hợp giải thích văn này.

Giải thích năm vô lượng cũng như luận Hiền Dượng quyển tám .

Nghĩa chân thật, tùy chín Chân như và Trí, Nghĩa là Chân như trùm khắp tất cả pháp, nên nói “biến chí”. Lại, vô phân biệt chánh trí cũng “duyên” Biến Chí Chân như, nên gọi là Tùy chí. Lại, chủng trí của Phật, gọi là trí Vô chướng ngại, không thể nghĩ bàn oai đức, thắng giải.

Bảy thức trụ, như giải thích trong pho sách đầu tiên.

Lại, quyển thứ mười bốn tự có văn.

Ba tánh thanh tịnh:

1/ Tự thể thanh tịnh tánh. Nghĩa là Đạo thanh tịnh tự thể của Chân như ở trước, cũng trụ tánh tự tánh.

2/ Cảnh giới thanh tịnh tánh. Nghĩa là trụ trong đạo, tức là dẫn tánh xuất, là đối tượng duyên (sở duyên) của chứng trí, gọi là cảnh giới thanh tịnh.

3/ Phần vị thanh tịnh tánh. Tức là Đạo Hậu chí đắc quả tánh, nghĩa là Vô cấu Như.

4/ Đạo lý: Là nhân, quả đối đãi nhau, chứng thành pháp nhĩ. Trong sự giả lập bày, đầu tiên là đối với pháp, giả lập hữu tình, sau, dựa vào Viên thành, trên tướng “năng thủ” (chủ thể lấy), sở thủ (đối tượng lấy) giả lập các pháp. Hoặc đối với tướng Duy Thức giả lập các pháp.

Chứa giữ. Luận sư Cảnh nói: “Nghĩa là tức tập Hỷ, lạc, ái, chấp mắc A-lê-da kia.

Thế nào là Tự? giải thích là một Hành, như Đối Pháp nói: “Vì lấy



một hành pháp trải qua các pháp, nghĩa là lấy một pháp và các pháp khác, mỗi pháp hỏi lẫn nhau. Trừ pháp này, lại lấy pháp thứ hai với pháp khác hỏi lẫn nhau.

Mỗi một pháp như thế, tất cả phải biết.

Văn Bà-Sa nói: “Dùng một hỏi một, dùng tướng không để hỏi tướng không . Lấy không đời nhất định gọi là một hành.”

Thuận với câu trước. Nghĩa là đối với pháp dùng bất cứ hai pháp nào xoay vần hỏi nhau. Nhưng tựa pháp trước để đáp câu hỏi. Dùng rộng hỏi hẹp, vì thuận với câu trước. Thuận với câu sau: Nghĩa là hai pháp xoay vần hỏi nhau, y theo câu sau để đáp câu hỏi, dùng rộng để hỏi hẹp, thuận với câu sau. Thế tất cả hẹp, tất nhiên, tức là rộng. Tự có thể rộng, chứ chẳng phải hẹp. Hoặc đối với điều đã hỏi, nên đáp hai câu, nên đáp ba câu, nên đáp bốn câu.

Trong đây, từ rộng để nói, chỉ nói bốn câu. Thế có rộng, hẹp hoặc khác nhau, nghĩa rộng hẹp, đồng nên thuật lại để đáp, cũng gọi là “đáp như thế”. Đối với câu hỏi không đúng lý, thì đáp rằng: “không đúng”, gọi là “đáp vô sự”, cũng gọi là “đáp ngăn dứt, rộng như trong Đối pháp quyển mười lăm”. Luận ấy nói: “Phân biệt, chỉ bày rõ, quyết định lựa chọn. Nghĩa là đối với các pháp như uẩn v.v... đã nói, tùy theo đối tượng thích ứng với pháp đó, tạo nên một hạnh thuận với câu trước, thuận với hai câu, ba câu, bốn câu sau, thuật lại câu có thể, câu ngăn dứt v.v...”

Biện luận về quyết định lựa chọn. Nghĩa là dựa vào tám, tám là gì? Hoặc là lời hỏi đáp quyết định chọn lực tất cả chân, ngụy. Lại, nếu Bà-sa quyển chín mươi bảy nói rộng về bốn câu trong bốn câu nhỏ, bốn câu lớn và câu v.v... như thế.

Hai môn trong hai mươi tám cặp kia, môn v.v... ngũ tam, v.v... đều như sáu Quyết Trạch phần quyển mười lăm v.v... đã nói. Trong đó, pháp Tâm, Tâm sở gọi là có sở duyên tương ứng, có hành tướng, có sở y, pháp còn lại rất dễ hiểu.

Bốn pháp hành tích, nghĩa là Khổ, thông nhanh chóng v.v... (đến ở dưới sẽ giải thích)

Bốn pháp tích. Nghĩa là ba học tích, tức là Vô tham, vô sân, Chánh niệm, Chánh định.

Ba thứ hệ thuộc:

1/ Căn hệ thuộc lẫn nhau.

2/ Thức căn hệ thuộc lẫn nhau.

3/ Căn, cảnh hệ thuộc lẫn nhau.

Mười sáu thứ nhiếp. Như Quyết Trạch phần quyển năm mươi hai

và trong Đối Pháp quyển năm nói.

Năm tương ứng, cũng như Đối Pháp quyển năm; Quyết Trạch quyển năm mươi bốn nói.

Thấy, nghe, hay, biết. Quyển ba, chín, Du-già quyển mười ba, quyển thứ nhất Đối Pháp đồng giải thích về nghĩa: Thấy, nghe, hay, biết.

Hiển Dương quyển mười tám nói: “Cõi Vô Sắc không có giác, về sau, khởi ngôn thuyết. Vô Sắc đều không, nghĩa là vì sinh cõi Vô Sắc kia, nên không có ngôn thuyết cõi đó.

Sáu loại thứ lớp là:

1/ Thứ lớp lưu chuyển. Nghĩa là thứ lớp lưu chuyển mười thời gian như trẻ con v.v... hoặc thứ lớp mười hai nhân duyên.

2/ Thứ lớp Thành sở tác. Nghĩa là xuất gia, thọ cụ, tu bảy phương tiện, được Kiến đạo v.v...

3/ Thứ lớp tuyên thuyết. Nghĩa là bốn Chánh đoạn, đủ bốn tác dụng của chánh đoạn kia trong một sát na, để nói về thứ lớp, chứ chẳng phải bốn hiện hành trước, sau có khác, hoặc giảng nói các pháp, nêu, giải thích thứ lớp.

4/ Thứ lớp sinh khởi. Nghĩa là mười phần thời gian, hoặc thứ lớp sinh khởi của mầm, cộng v.v...

5/ Thứ lớp hiện quán. Nghĩa là chân tướng Kiến đạo trước sau. Thứ lớp hiện quán trước, sau của sáu mươi ba v.v...

6/ Đẳng Chí. Nghĩa là chín định thứ đệ.

Tám thứ sở tác:

1/ Diệt y chỉ. Nghĩa là làm y chỉ cho nghiệp ác. Chuyển, làm chỗ nương cho điều thiện nảy sinh. Biện tri, là biết khéo léo; biết khắp Khổ, Tập, pháp duyên sinh v.v... vì sinh nhằm lìa.

Hỷ lạc: Là bốn thứ “sở duyên” Hỷ, lạc, Diệt, Đạo. Như Đối pháp quyển thứ mười một nói:

1/ Sở duyên đầy khắp có bốn, đó là phân biệt ảnh tượng vô phân biệt ảnh tượng; bờ mé khắp của sự; và sở duyên của sở tác thành tựu.

2/ Sở duyên tịnh hạnh có năm, nghĩa là năm thứ quán hạnh khác nhau: nặng về tham, nặng về sân, nặng về si, kiêu, mạn tâm tư.

3/ Sở duyên thiện xảo có năm, nghĩa là Sở duyên (đối tượng duyên) uẩn, giới, xứ, duyên khởi xứ, phi xứ, thiên xảo.

4/ Đối tượng duyên của Tịnh giới có ba, nghĩa là tướng thô, tĩnh v.v... chân như, bốn Thánh đế.

Bốn thứ chín, thứ Du-già, Địa Thanh văn dưới, Đối Pháp quyển

chín nói.

Phương tiện Du-già lấy Tác ý, tuệ thắng giải làm tánh.

Quán ba việc: Có tướng, nghĩa là sự “năng duyên” (chủ thể duyên).

Bốn hạnh quán, như Đối Pháp quyển chín và Địa Thanh văn nói.

Quán sở duyên của sáu việc sai khác:

1/ Nghĩa: Là nghĩa sai khác của Khổ, Vô thường v.v... ở tiền phương tiện của Kiến đạo.

2/ Sự. Nghĩa là tác dụng của các việc, nhóm họp có tác dụng sinh khổ, có nhân.

3/ Ba tướng. Nghĩa là thể tướng của Diệt đế.

4/ Phẩm. Nghĩa là phẩm thượng, Trung, hạ của các pháp, hoặc vì Đạo để có phẩm loại của ba thừa.

Kế là ba thứ trên ở địa vị Kiến đạo.

5/ Thời. Nghĩa là ở Tu đạo, thời gian sau Kiến đạo mà khởi. Hoặc lý ba đời.

6/ Đạo lý; là ở đạo Vô học. Hoặc sự, nghĩa là uẩn, giới, xứ v.v...

Thời, nghĩa là ba đời. Đạo, lý, nghĩa là bốn thứ Đạo lý.

Năm thứ giáo thọ:

1/ Giáo, giáo thọ, truyền trao cho giáo pháp.

2/ Chứng giáo thọ, trao cho pháp lý.

3/ Giáo thọ thứ lớp, trao cho pháp môn quán hạnh.

4/ Giáo thọ không có trái ngược, trao cho ba thứ ứng cơ ở trước không có lộn xộn.

5/ Giáo thọ thần biến, trao cho thần thông, khiến giáo hóa chúng sinh. Tướng nghĩa của Thánh giáo thuộc Minh thứ ba trong bốn môn Nội minh. Chính giữa có mười pháp năm cặp.

Ý của Thánh giáo, hợp với dứt ác, tu thiện, ngược dòng, tận nguồn, dùng làm nghĩa Thánh giáo kia. Thiện, có chủ thể tu, đối tượng tu, chủ thể chứng, đối tượng chứng. Ác, có hiện-hành và nghĩa hạt giống chiết phục, dứt trừ. Năng tác “sở tác” đầu tiên trong đây, cả hai đều là pháp thiện.

Tiếp theo, pháp Khổ, Tập đế nhiễm ô, tai hoạn lỗi lầm.

Ba hữu che lấp hữu thuận, nghĩa là pháp thiện phiền não.

Bốn hữu, thật có các pháp vô lậu, hữu vi, vô vi vượt hơn.

Năm hữu thuận với “hữu” đặc, nghĩa là pháp thế gian, xuất thế gian.

Nên tập, nên dứt và dứt xong pháp hiện hành (pháp hiện hạnh dứt

xong). Luận sư Cảnh nói: “Pháp thiện hữu lậu trong phần vị chưa dứt là đối tượng nên tu. Do có thô, nặng, gọi là nên đoạn, tức pháp thiện này dứt trừ thô nặng. Về sau, vẫn hiện hành, gọi là dứt xong pháp hiện hành.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nên tập, nghĩa là pháp thiện. Nên đoạn, nghĩa là pháp nhiễm ô, dứt xong hiện hành, nghĩa là vô phú, vô ký.

Từ đây trở xuống, là phần thứ tư, nói trong tướng sở ứng tri xứ của Phật giáo có hai: 1/ Thêm mười pháp môn. 2/ Kết.

Đầu tiên, là mười đoạn. Trước là nói về ba thứ:

Môn hữu tình, tức trụ có ba, phải dựa vào hữu tình, mới có tình, và phi tình. Nhân và quả; nhiễm và tịnh; sinh tử, và Niết-bàn; hữu vi; và vô vi v.v... Thêm hai môn v.v... đã nói các pháp, nên đầu tiên, nói về ba thứ:

- Môn hữu tình, thêm hai pháp môn có hai bốn cặp. Lại có hai pháp có thể giúp cho hữu tình bên trong, chánh Tác ý, ngoài, nghe âm thanh v.v... của người khác, nghĩa là trong Tác ý, ngoài nghe âm thanh khác là hai nhân duyên do hai pháp. Nay, hai nhân duyên này hiện nhập hiện quán thích hợp với các căn thành thực.

Về kinh sâu mầu mà đức Như lai đã nói, nghĩa là ba tánh của Giải-Thâm-Mật v.v... làm sáng tỏ giáo.

Giống với “không” thậm thâm tương ứng với kinh, nghĩa là Bát Nhã v.v... giống với kinh thậm thâm này.

- “Duyên” tánh. Là tánh Viên thành thật.

- Duyên khởi. là tánh y-tha khởi.

-----